

Số 2570/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên hệ đại học
hệ chính quy tiếng Anh bán phần chất lượng cao
Đợt tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 1583/QĐ-ĐHNH, ngày 07/09/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 3786/QĐ-ĐHNH ngày 21/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 1583/QĐ-ĐHNH, ngày 07/09/2021;

Căn cứ Thông báo số 229/TB-ĐHNH, ngày 18/03/2020 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Theo đề nghị của Trường Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo
cho 100 sinh viên chương trình tiếng Anh bán phần chất lượng cao.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG *Ja*

PGS. TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
TIẾNG ANH BÁN PHẦN CHẤT LƯỢNG CAO ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TRÌNH ĐỘ
TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 7 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định: 1570/QĐ-ĐHNH, ngày 02 tháng 8 năm 2024
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050608200239	Nguyễn Yến Anh	02/08/2002	HQ8-GE17		5.5		
2	030135190012	Hà Quỳnh Anh	21/10/2001	HQ7-GE17	4/6			
3	050608200022	Trần Nguyễn Ngọc Ánh	15/09/2002	HQ8-GE13	4/6			
4	050607190054	Trần Quốc Bảo	13/01/2000	HQ7-GE11	4/6			
5	050607190058	Lê Thị Thanh Bình	08/08/2001	HQ7-GE08	4/6			
6	050608200027	Lý Bảo Châu	09/11/2002	HQ8-GE08	4/6			
7	050609210153	Lâm Minh Châu	24/03/2003	HQ9-GE04	4/6			
8	050607190074	Nguyễn Huỳnh Công Danh	19/01/2001	HQ7-GE12			69	
9	050610220888	Trần Tấn Đạt	19/11/2004	HQ10-GE26		5.5		
10	050607190076	Trần Hồng Khả Di	13/09/2001	HQ7-GE02	4/6			
11	050607190079	Lý Hồ Diệp	12/03/2001	HQ7-GE08	4/6			
12	050610220861	Nguyễn Thị Mai Dung	08/02/2004	HQ10-GE17	4/6			
13	050607190097	Trần Thị Mỹ Duyên	18/08/2001	HQ7-GE17	4/6			
14	050608200291	Tổng Thị Mỹ Duyên	27/02/2002	HQ8-GE15	4/6			
15	050607190089	Đoàn Thị Cẩm Duyên	02/06/2001	HQ7-GE08	4/6			
16	050608200042	Trần Ngọc Quỳnh Giang	17/11/2002	HQ8-GE20	4/6			
17	050608200317	Nguyễn Thị Minh Hà	13/07/2002	HQ8-GE12	4/6			
18	050608200047	Nguyễn Phú Hải	18/05/2002	HQ8-GE05	4/6			
19	050608200328	Đinh Thị Thu Hằng	18/02/2002	HQ8-GE15	4/6			
20	050608200330	Lại Thị Diễm Hằng	28/06/2002	HQ8-GE06	4/6			
21	050606180118	Phạm Lê Quỳnh Hoa	02/10/2000	HQ6-GE08	4/6			
22	050609211951	Nguyễn Đăng Minh Hùng	27/02/2003	HQ9-GE21		5.5		
23	050606180147	Nguyễn Thị Thanh Hương	10/10/2000	HQ6-GE09			77	
24	050608200377	Nguyễn Thị Minh Hương	14/01/2002	HQ8-GE01	4/6			
25	030134180168	Nguyễn Đức Huy	22/10/2000	HQ6-GE12		6.5		
26	050607190173	Trần Quốc Huy	13/04/2001	HQ7-GE07	4/6			
27	050609210525	Nguyễn Duy Văn Khanh	28/09/2003	HQ9-GE01		6.0		
28	050606180162	Trần Phạm Văn Khánh	16/12/2000	HQ6-GE02	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050608200077	Nguyễn Hiếu	Kiên	06/02/2002	HQ8-GE04	4/6			
30	050608200078	Nguyễn Thị Vân	Kim	20/07/2002	HQ8-GE17	4/6			
31	050609210610	Ngô Nhựt	Lâm	18/10/2003	HQ9-GE07	4/6			
32	030632163374	Trần Viết	Lâm	20/02/1998	HQ4-GE04	4/6			
33	050610221038	Phan Võ Thúy	Linh	01/04/2004	HQ10-GE19	4/6			
34	050608200414	Huỳnh Trần Trúc	Linh	03/02/2002	HQ8-GE11	4/6			
35	050608200428	Vũ Trần Thanh	Loan	02/09/2002	HQ8-GE07		5.5		
36	030632161235	Phan Thị Diệu	Ly	31/01/1998	HQ4-GE04			70	
37	050609210722	Nguyễn Lê Thanh	Mai	24/01/2003	HQ9-GE10	4/6			
38	030632161251	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	19/08/1998	HQ4-GE04			76	
39	030805170352	Nguyễn Trương Hoàn	Minh	08/12/1999	HQ5-GE11		6.0		
40	050609210741	Nguyễn Ngọc	Minh	12/07/2003	HQ9-GE01		6.0		
41	050608200453	Trần Hoàng Thảo	My	13/06/2002	HQ8-GE12		5.5		
42	050610220313	Nguyễn Hồ Cẩm	My	26/01/2004	HQ10-GE05	4/6			
43	050608200093	Nguyễn Thị Trà	My	28/08/2002	HQ8-GE07	4/6			
44	050608200095	Trần Thị Kim	Mỹ	22/04/2002	HQ8-GE05			75	
45	030136200367	Nguyễn Ngọc Thiên	Ngân	03/05/2002	HQ8-GE05		7.0		
46	050610220340	Nguyễn Thụy Thu	Ngân	28/09/2004	HQ10-GE10		6.0		
47	050608200471	Phạm Thị Kim	Ngân	25/02/2002	HQ8-GE11	4/6			
48	050608200488	Lê Nguyên Bảo	Ngọc	27/12/2002	HQ8-GE20	4/6			
49	050607190323	Phan Đình	Nguyên	03/01/2001	HQ7-GE10			76	
50	050607190334	Lê Hồ Quang	Nhật	08/10/2001	HQ7-GE04	4/6			
51	030135190391	Bùi Thị Ngọc	Nhi	10/02/2001	HQ7-GE05	4/6			
52	050608200531	Trương Yến	Nhi	01/07/2002	HQ8-GE17	4/6			
53	050608200534	Võ Uyên	Nhi	07/10/2002	HQ8-GE03	4/6			
54	050608200524	Nguyễn Mai Yến	Nhi	22/10/2001	HQ8-GE14	4/6			
55	050609210981	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	09/05/2002	HQ9-GE07		6.0		
56	050608200127	Lim Thiên	Như	15/09/2002	HQ8-GE13	4/6			
57	050609212109	Đoàn Thiên	Nhung	10/12/2003	HQ9-GE16				855+320
58	050608200575	Phí Thị Mai	Phương	10/01/2002	HQ8-GE04	4/6			
59	050607190414	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	07/03/2000	HQ7-GE08	4/6			
60	030134180421	Nguyễn Hồng	Quân	13/01/2000	HQ6-GE06			68	
61	050607190427	Kiều Như	Quỳnh	21/04/2000	HQ7-GE07	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050608200596	Mạc Tôn Cát	Quỳnh	01/08/2002	HQ8-GE18	4/6			
63	050609211251	Huỳnh Tấn	Sang	28/10/2003	HQ9-GE25	4/6			
64	050608200612	Tổng Mỹ	Tâm	12/02/2002	HQ8-GE09	4/6			
65	050607190447	Trương Thị Thanh	Tâm	08/06/2001	HQ7-GE15	4/6			
66	050607190443	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tâm	16/09/2001	HQ7-GE16	4/6			
67	050607190455	Hoàng Ngọc	Thanh	18/06/2001	HQ7-GE12	4/6			
68	030633170890	Lê Công	Thạnh	23/02/1999	HQ5-GE10			71	
69	050609211350	Châu Ngọc Hạnh	Thảo	17/11/2003	HQ9-GE03	4/6			
70	050607190482	Nguyễn Ngọc Mai	Thị	25/11/2001	HQ7-GE13	4/6			
71	050608200147	Lâm Hoàng	Thiện	14/11/2002	HQ8-GE08			74	
72	050608200670	Võ Duy	Thoại	23/06/2002	HQ8-GE06		5.5		
73	050608200673	Đào Thị Minh	Thu	09/12/2002	HQ8-GE10				940+310
74	050608200695	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	03/12/2002	HQ8-GE08		6.5		
75	050608200156	Nguyễn Ngọc	Thuận	11/03/2002	HQ8-GE15	4/6			
76	050608200685	Nguyễn Ngọc	Thúy	05/01/2002	HQ8-GE11	4/6			
77	050606180407	Nguyễn Hoàng Anh	Thy	28/01/2000	HQ6-GE01	4/6			
78	050608200619	Ngô Mỹ	Tiên	31/12/2001	HQ8-GE02		5.5		
79	050608200621	Phạm Thị Ánh	Tiên	16/08/2001	HQ8-GE09	4/6			
80	050608200163	Hồ Thị Mộng	Tiên	05/04/2001	HQ8-GE09	4/6			
81	050608200732	Nguyễn Thị Bích	Trâm	17/03/2002	HQ8-GE01	4/6			
82	050608200728	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	16/10/2002	HQ8-GE01	4/6			
83	050608200174	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	03/12/2002	HQ8-GE20	4/6			
84	050608200724	Trương Nguyễn Minh	Trang	16/03/2002	HQ8-GE11	4/6			
85	050606180426	Lê Hoàng Tuyết	Trinh	10/10/2000	HQ6-GE09		6.5		
86	050608200180	Đặng Nguyễn Hồng	Trúc	13/04/2002	HQ8-GE05	4/6			
87	050608200633	Dương Thị Thanh	Tuyền	15/07/2002	HQ8-GE18	4/6			
88	050606180349	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	06/06/2000	HQ6-GE05	4/6			
89	050608200636	Trần Thị Bạch	Tuyết	13/12/2002	HQ8-GE20	4/6			
90	050609211660	Nguyễn Ngọc Giáng	Tuyết	20/12/2003	HQ9-GE28	4/6			
91	050608200760	Ngô Thùy	Vân	27/03/2002	HQ8-GE02	4/6			
92	050607190642	Trần Phúc	Vinh	01/03/2001	HQ7-GE14	4/6			
93	050608200197	Phạm Đăng	Vinh	05/10/2002	HQ8-GE07		5.5		
94	050608200199	Lê Thùy Diễm	Vy	11/11/2002	HQ8-GE08	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
95	030536200258	Phan Thị Khánh	Vy	03/12/2002	HQ8-GE01	4/6			
96	050608200775	Lâm Triệu	Vy	22/07/2002	HQ8-GE06	4/6			
97	050608200776	Lê Nguyễn Tường	Vy	14/07/2002	HQ8-GE01	4/6			
98	050607190656	Nguyễn Tường	Vy	14/10/2001	HQ7-GE16	4/6			
99	050608200807	Phạm Kim	Yến	02/08/2002	HQ8-GE10	4/6			
100	050608200800	Nguyễn Lý Hoàng	Yến	29/10/2002	HQ8-GE10	4/6			

Tổng số: 100 sinh viên

Handwritten signature

